

CÔNG TY TNHH RRC VIỆT NAM
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH RRC VIỆT NAM

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: RRC VIET NAM COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt: RRCVN CO.,LTD

2. Mã số doanh nghiệp: 0108474485

3. Ngày thành lập: 16/10/2018

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Phòng 10, Tầng 16, Toà Nhà Charmvit Tower, 117 Trần Duy Hưng, Phường Trung Hoà, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại:

Fax:

Email:

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Trồng lúa	0111
2.	Trồng ngô và cây lương thực có hạt khác	0112
3.	Trồng cây lấy củ có chất bột	0113
4.	Trồng cây mía	0114
5.	Trồng cây thuốc lá, thuốc lào	0115
6.	Khai thác thuỷ sản biển	0311
7.	Khai thác thuỷ sản nội địa	0312
8.	Nuôi trồng thuỷ sản biển	0321
9.	Nuôi trồng thuỷ sản nội địa	0322
10.	Khai thác quặng sắt	0710
11.	Khai thác quặng kim loại khác không chứa sắt	0722
12.	Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét	0810
13.	Khai thác khoáng hoá chất và khoáng phân bón	0891
14.	Khai thác và thu gom than bùn	0892
15.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai khoáng khác	0990
16.	Chế biến, bảo quản thuỷ sản và các sản phẩm từ thuỷ sản	1020
17.	Chế biến và bảo quản rau quả	1030
18.	Sản xuất món ăn, thức ăn chế biến sẵn	1075
19.	Sản xuất thực phẩm khác chưa được phân vào đâu	1079
20.	Sản xuất hàng dệt sẵn (trừ trang phục)	1392
21.	May trang phục (trừ trang phục từ da lông thú)	1410
22.	Sản xuất các sản phẩm khác từ giấy và bìa chưa được phân vào đâu	1709
23.	Sản xuất thuốc, hoá dược và dược liệu	2100

24.	Sửa chữa máy móc, thiết bị	3312
25.	Sửa chữa thiết bị điện tử và quang học	3313
26.	Sửa chữa thiết bị điện	3314
27.	Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải (trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác)	3315
28.	Sửa chữa thiết bị khác	3319
29.	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp	3320
30.	Xây dựng nhà để ở	4101
31.	Xây dựng nhà không để ở	4102
32.	Phá dỡ	4311
33.	Chuẩn bị mặt bằng	4312
34.	Lắp đặt hệ thống điện	4321
35.	Bán buôn sản phẩm thuốc lá, thuốc lào	4634
36.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	4652
37.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp	4653
38.	Bán buôn tổng hợp	4690
39.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc lào chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4711
40.	Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4719
41.	Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh	4721
42.	Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4722
43.	Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh	4723
44.	Bán lẻ sản phẩm thuốc lá, thuốc lào trong các cửa hàng chuyên doanh	4724
45.	Bán lẻ nhiên liệu động cơ trong các cửa hàng chuyên doanh	4730
46.	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh	4752
47.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	4933
48.	Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa	5022
49.	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan Chi tiết: Hoạt động tư vấn kỹ thuật có liên quan khác (Việc chuẩn bị và thực hiện các dự án liên quan đến kỹ thuật điện và điện tử, kỹ thuật khai khoáng, kỹ thuật hoá học, dược học, công nghiệp và nhiều hệ thống, kỹ thuật an toàn hoặc những dự án quản lý nước)	7110
50.	Kiểm tra và phân tích kỹ thuật	7120
51.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh	8299
52.	Trồng cây lấy sợi	0116
53.	Trồng cây có hạt chứa dầu	0117

54.	Trồng rau, đậu các loại và trồng hoa	0118
55.	Trồng cây hàng năm khác	0119
56.	Trồng cây ăn quả	0121
57.	Trồng cây lấy quả chứa dầu	0122
58.	Trồng cây điều	0123
59.	Trồng cây hồ tiêu	0124
60.	Trồng cây cao su	0125
61.	Trồng cây cà phê	0126
62.	Trồng cây chè	0127
63.	Trồng cây gia vị, cây dược liệu, cây hương liệu lâu năm	0128
64.	Trồng cây lâu năm khác	0129
65.	Nhân và chăm sóc cây giống hàng năm	0131
66.	Chăn nuôi trâu, bò và sản xuất giống trâu, bò	0141
67.	Chăn nuôi ngựa, lừa, la và sản xuất giống ngựa, lừa	0142
68.	Chăn nuôi dê, cừu và sản xuất giống dê, cừu, hươu, nai	0144
69.	Chăn nuôi lợn và sản xuất giống lợn	0145
70.	Chăn nuôi gia cầm	0146
71.	Trồng trọt, chăn nuôi hỗn hợp	0150
72.	Hoạt động dịch vụ trồng trọt	0161
73.	Hoạt động dịch vụ chăn nuôi	0162
74.	Hoạt động dịch vụ sau thu hoạch	0163
75.	Xử lý hạt giống để nhân giống	0164
76.	Săn bắt, đánh bắt và hoạt động dịch vụ có liên quan	0170
77.	Khai thác quặng kim loại quý hiếm (trừ vàng)	0730
78.	Xây dựng công trình đường bộ	4212
79.	Xây dựng công trình điện	4221
80.	Xây dựng công trình cấp, thoát nước	4222
81.	Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc	4223
82.	Xây dựng công trình công ích khác	4229
83.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4299
84.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí	4322
85.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác	4329
86.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
87.	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác	4390
88.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác (trừ hoạt động đấu giá)	4530

89.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy (trừ hoạt động đầu giá)	4543
90.	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống	4620
91.	Bán buôn gạo, lúa mỳ, hạt ngũ cốc khác, bột mỳ	4631
92.	Bán buôn thực phẩm	4632
93.	Bán buôn đồ uống	4633
94.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác	4659
95.	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan	4661
96.	Bán buôn kim loại và quặng kim loại Chi tiết: Bán buôn quặng kim loại Bán buôn sắt, thép Bán buôn kim loại khác (không bao gồm kinh doanh vàng miếng, vàng nguyên liệu)	4662(Chính)
97.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4663
98.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu	4669
99.	Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh (trừ bán lẻ vàng, sừng, đạn, tem và tiền kim khí)	4773
100.	Vận tải hành khách đường bộ khác	4932
101.	Hoạt động tư vấn quản lý (trừ hoạt động tư vấn pháp luật)	7020
102.	Quảng cáo	7310
103.	Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận	7320
104.	Hoạt động thiết kế chuyên dụng	7410
105.	Cho thuê xe có động cơ	7710
106.	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển	7730
107.	Dịch vụ đóng gói	8292

6. Vốn điều lệ: 10.000.000.000 VNĐ

7. Thông tin về chủ sở hữu:

Họ và tên: ĐOÀN TIÊN PHONG

Giới tính: Nam

Sinh ngày: 09/09/1989 Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 034089000226

Ngày cấp: 11/04/2018

Nơi cấp: Cục CS ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn Đông A, Xã Đông Á, Huyện Đông Hưng, Tỉnh Thái Bình, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: Thôn Đông A, Xã Đông Á, Huyện Đông Hưng, Tỉnh Thái Bình, Việt Nam

8. Người đại diện theo pháp luật:

Thời gian đăng từ ngày 16/10/2018 đến ngày 15/11/2018

* Họ và tên: ĐOÀN TIÊN PHONG

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 09/09/1989

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 034089000226

Ngày cấp: 11/04/2018

Nơi cấp: Cục CS ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn Đông A, Xã Đông Á, Huyện Đông Hưng, Tỉnh Thái Bình, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: Thôn Đông A, Xã Đông Á, Huyện Đông Hưng, Tỉnh Thái Bình, Việt Nam

9. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội